TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 8 – 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Minh Hoàng.

2. Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Nhật – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2025/TLST - HNGĐ ngày 22/5/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tiêu Sơn C, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khóm 6, xã C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn D, sinh năm 1951; Địa chỉ: Khóm 6, xã C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Tiêu Sơn C và ông Đặng Văn D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng bà C cho rằng đến năm 2022, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống không hòa hợp dẫn đến việc vợ chồng thường xảy ra cự cải, xúc phạm lẫn nhau và bà với ông D đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D. Riêng ông D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn bà C trình bày không đúng, tuy trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra cãi vã nhưng mâu thuẫn đó không lớn và ông với bà C chỉ mới

sống ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2024 cho đến nay nên ông không đồng ý với yêu cầu của bà C và yêu cầu bà C phải có mặt để giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà.

Về con chung, bà C và ông D khai chưa có.

Về tài sản chung, bà C khai không có nhưng ông D xác định giữa ông với bà C chung sống có tạo lập được một nền nhà tọa lạc tại khóm 6, xã C, tỉnh Cà Mau nên ông yêu cầu có mặt bà C để thỏa thuận về tài sản chung này nhưng không yêu cầu Tòa án phân chia. Ngoài ra, ông và bà C không còn tài sản nào khác.

Về nợ chung, bà C và ông D khai không có.

Đồng thời, bà Tiêu Sơn C (nguyên đơn) có đơn xin vắng mặt hòa giải, xét xử vụ án với lý do điều kiện đi lại khó khăn nên không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, tuy tại phiên tòa, bị đơn đặt ra yêu cầu nguyên đơn phải có mặt để giải quyết vụ án nhưng quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin hòa giải, xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc nguyên đơn yêu cầu vắng mặt là quyền của nguyên đơn, pháp luật không ngăn cấm nên căn cứ khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của nguyên đơn.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Mặc dù, các đương sự trình bày nguyên nhân mâu thuẫn không thống nhất với nhau và bị đơn không đồng ý ly hôn với lý do mâu thuẫn xãy ra không lớn. Tuy nhiên, do quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có vi phạm về mặt hình thức cho nên dù mâu thuẫn thực tế có xảy ra, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng quan hệ hôn nhân trên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận.

[3] Về con chung, các đương sự khai chưa có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nguyên đơn khai không có còn bị đơn xác định có tài sản chung là 01 nền nhà tọa lạc tại khóm 6, xã C, tỉnh Cà Mau nhưng quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp đơn yêu cầu phân chia tài sản và tại phiên tòa, bị đơn cũng không đặt ra yêu cầu phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp giữa nguyên đơn cùng bị đơn không thỏa thuận được và có tranh chấp với nhau về tài sản nêu trên thì các đương sự có quyền khởi kiện phân chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định.

[5] Về nợ chung, các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân, không công nhận vợ chồng giữa bà Tiêu Sơn C và ông Đặng Văn D.

- Về con chung, bà Tiêu Sơn C và ông Đặng Văn D chưa có con chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung là 01 nền nhà tọa lạc tại khóm 6, xã C, tỉnh Cà Mau tách ra không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án. Bà Tiêu Sơn C và ông Đặng Văn D có quyền khởi kiện việc phân chia tài sản thành vụ kiện dân sự khác.

- Về nợ chung, bà Tiêu Sơn C và ông Đặng Văn D khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, bà Tiêu Sơn C không phải nộp do bà C là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân